

Số: 94 /TB-ĐHĐA-TS

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 07 năm 2024

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Đợt 1 năm 2024)

1. Ngành tuyển sinh – Phương thức tuyển sinh:

1.1. Ngành tuyển sinh:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Quản trị kinh doanh | Mã ngành: 8340101 |
| - Kế toán | Mã ngành: 8340301 |
| - Ngôn ngữ Anh | Mã ngành: 8220201 |

1.2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1.3. Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển. Việc tuyển sinh có thể tổ chức trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

2.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

2.2. Thời gian: 1,5 - 02 năm

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh:

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| - Ngành Quản trị kinh doanh | : 40 học viên |
| - Ngành Kế toán | : 60 học viên |
| - Ngành Ngôn ngữ Anh | : 60 học viên |

3. Điều kiện dự thi, đối tượng và chính sách ưu tiên:

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đông Á (Chi tiết tại phụ lục 1 và phụ lục 2)

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

4.1. Hồ sơ gồm có:

- Đơn đăng ký dự tuyển đào tạo thạc sĩ (theo mẫu);
- Bằng tốt nghiệp đại học (02 bản sao có chứng thực);
- Bảng điểm đại học (02 bản sao có chứng thực);
- 03 ảnh 3x4 cm (không quá 06 tháng) dán vào phiếu dán ảnh (theo mẫu);
- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân (02 bản sao có chứng thực);
- Sơ yếu lý lịch hoặc lý lịch khoa học (bản chính, theo mẫu có xác nhận của đơn vị hoặc địa phương);



Handwritten signature in blue ink.

- Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo qui định (bản sao có chứng thực, chi tiết tại phụ lục 3).

4.2. Lệ phí: 1.150.000 đồng (bao gồm hồ sơ và xét tuyển)

4.3. Học phí: Từ 15.000.000 đồng đến 15.500.000 đồng/học kỳ

5. Thời gian nhận hồ sơ và thi tuyển/ xét tuyển:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Nhận hồ sơ	Từ 15/01 đến 09/03/2024
2	Tổ chức ôn tập và thi năng lực ngoại ngữ 3/6	Từ 17/02 đến 16/03/2024
3	Xét tuyển	Từ 16/03 đến 23/03/2024
4	Thông báo trúng tuyển và nhập học	Từ 13/04 đến 27/04/2024

6. Đăng ký:

- Thí sinh có thể đăng ký trực tuyến tại: <https://donga.edu.vn/tuyensinh/dang-ky/thi-tuyen-cao-hoc>

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại:

Khoa Sau Đại học và Đào tạo quốc tế – Trường Đại học Đông Á.

Phòng 203A, tầng 2, số 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- Nhận hồ sơ từ thứ Hai đến thứ Bảy (Buổi sáng: từ 07h30 đến 11h30; Buổi chiều: từ 13h30 đến 17h30).

- Tư vấn trực tuyến: <https://www.facebook.com/Hotline0394262545>



7. Địa chỉ liên hệ:

- Khoa Sau Đại học và Đào tạo quốc tế – Trường Đại học Đông Á.

Phòng 311A, tầng 3, số 33 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

- Hotline tư vấn: 02363 66 22 95 – 0394 262545 (ThS Nguyễn Thị Lệ Thủy)

- Website: <https://saudh.donga.edu.vn/>

- Email: khoadaotaosdh@donga.edu.vn

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c)
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các đơn vị toàn trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, TS;
- Website.



TS. ĐỖ TRỌNG TUẤN



PHỤ LỤC 1

ĐIỀU KIỆN MIỄN THI NGOẠI NGỮ

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 91 /TB-ĐHĐA-TS ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ)

Theo qui định của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện miễn thi ngoại ngữ như sau:

Yêu cầu ngoại ngữ đối với người dự tuyển

1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
2. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
3. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại bảng tham chiếu bên dưới hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).
5. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau đây:
 - a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy;
 - b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.



PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC; ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 94 /TB-ĐHĐA-TS ngày 15 tháng 01 năm 2024
* về việc tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ)

1. DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

Áp dụng đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác với ngành đăng ký thi tuyển/ xét tuyển. Trường hợp bằng ghi kết quả học tập các bậc đào tạo của thí sinh, nếu đã hoàn thành một trong các học phần nêu trên thì được xét miễn học học phần bổ sung tương ứng.

1.1. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Ngành phù hợp, ngành khác	Các học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh: marketing, bất động sản, kinh doanh quốc tế, kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, kinh doanh và dệt may thời trang, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ tài chính, kế toán, kiểm toán, khoa học quản lý, quản lý công, quản trị nhân lực, quản trị văn phòng, hệ thống thông tin quản lý, quan hệ lao động, quản lý dự án.	1. Quản trị học	2
		2. Quản trị marketing	2
		3. Quản trị chiến lược	2
2	Ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh (các ngành còn lại không có trong danh mục ngành phù hợp với Quản trị kinh doanh)	1. Quản trị học	2
		2. Quản trị marketing	2
		3. Quản trị chiến lược	2
		4. Quản trị tài chính	2
		5. Quản trị nguồn nhân lực	2
		6. Quản trị dự án	2
		7. Quản trị bán hàng	2
		8. Quản trị kinh doanh quốc tế	2
		9. Hành vi tổ chức	2



1.2. Ngành Kế toán

TT	Ngành phù hợp, ngành khác	Các học phần bổ sung	Số tín chỉ
1	Ngành phù hợp với ngành Kế toán: Quản trị kinh doanh, marketing, bất động sản, kinh doanh quốc tế, kinh doanh thương mại, thương mại điện tử, kinh doanh và dệt may thời trang, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ tài chính, khoa học quản lý, quản lý công, quản trị nhân lực, quản trị văn phòng, hệ thống thông tin quản lý, quan hệ lao động, quản lý dự án.	1. Kế toán tài chính 1	2
		2. Kế toán quản trị cơ bản	2
		3. Lý thuyết kiểm toán	2
2	Ngành khác với ngành Kế toán (Các ngành còn lại không có trong danh mục ngành phù hợp với ngành Kế toán)	1. Kinh tế vi mô	2
		2. Nguyên lý kế toán	2
		3. Lý thuyết tài chính tiền tệ	2
		4. Thuế	2
		5. Kế toán tài chính 1	2
		6. Kế toán quản trị cơ bản	2
		7. Tài chính doanh nghiệp	2
		8. Lý thuyết kiểm toán	2
		9. Kiểm toán tài chính	2

1.3 Ngành Ngôn ngữ Anh

Áp dụng đối với thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và ngành khác với ngành đăng ký thi tuyển/ xét tuyển. Trường hợp bằng ghi kết quả học tập các bậc đào tạo của thí sinh, nếu đã hoàn thành một trong các học phần nêu trên thì được xét miễn học học phần bổ sung tương ứng.

ĐẠI HỌC	CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG	
Ngành đúng, phù hợp	Tên học phần	Tín chỉ
- Ngôn ngữ Anh;	<i>Thí sinh đã tốt nghiệp quá 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển:</i> - Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao - Dẫn nhập ngữ âm – âm vị học tiếng Anh.	4
- Sư phạm tiếng Anh.		2
Ngành gần		
- Sư phạm tiếng Pháp, sư phạm tiếng Trung Quốc	- Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 1	2
	- Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	2
- Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc.	- Dẫn nhập ngữ âm – âm vị học tiếng Anh;	2
	- Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	4
- Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học.	- Ngữ nghĩa học tiếng Anh	2

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

2.1.1. Điều kiện về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*chi tiết tại phụ lục 3*).

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2.1.2. Có đủ sức khỏe để học tập.

2.1.3. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo Thông báo này.

2.1.4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

2.2. Đối tượng và chính sách ưu tiên

2.2.1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

c) Con liệt sĩ.

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a, khoản này.

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2.2.2. Chính sách ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản **2.2.1** (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi tuyển.

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

PHỤ LỤC 3

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 94 /TB-ĐHĐA-TS ngày 15 tháng 1 năm 20 24
về việc tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3

6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
---	-----------	---	--------	--------

*** Ghi chú: Thí sinh nộp bản sao (công chứng) kèm theo hồ sơ đăng ký dự tuyển.**

